

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà La Hồng P, sinh năm 1988.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đắc L, sinh năm 1989.

Bà P, ông L cùng cư trú tại: 1, tổ 2, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B.

(Bà P, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà La Hồng P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Đắc L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình D (nay là phường M, thị xã B, tỉnh B) vào

ngày 12/4/2011. Việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra bất hòa, nguyên nhân do ông L ghen tuông vô cớ, xúc phạm, thậm chí đánh bà P, không tôn trọng đồng nghiệp của bà P. Việc vợ chồng cãi vã, bất hòa ảnh hưởng nhiều đến tâm lý của con chung. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, bà P đã không còn tình cảm vợ chồng với L nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà P và ông L có 01 con chung là Nguyễn Đắc An K, sinh ngày 01/8/2014. Khi ly hôn, bà P đồng ý giao cháu K cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà đồng ý thực hiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ.

Về tài sản: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 30/12/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Đắc L trình bày:

Về hôn nhân : Ông L thừa nhận ông và bà P xác lập quan hệ hôn nhân như bà P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh P được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn trầm trọng hơn khi thời gian gần đây bà P có biểu hiện ngoại tình, không chuyên tâm lo cho gia đình. Ông L đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn đoàn tụ nhưng bà P cương quyết không đồng ý quay về. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng do con còn nhỏ, ông muốn có thêm thời gian để ông và bà cùng chăm sóc con chung nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông L thừa nhận ông và bà P có một con chung là Nguyễn Đắc An K, sinh ngày 01/8/2014 đúng như bà P trình bày. Khi ly hôn, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản : Ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy ý kiến con chung chưa thành niên đề ngày 31/12/2021, cháu Nguyễn Đắc An K trình bày:* Hiện tại con đang sống với ba mẹ và ông bà nội...Trường hợp ba mẹ sống mỗi người mỗi nơi, con có nguyện vọng được tiếp tục sống với ba và ông bà nội.

** Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2022 được thực hiện tại chính quyền địa phương nơi cư trú của các đương sự thể hiện:* Bà La Hồng P và ông Nguyễn

Đắc L hiện cư trú tại tổ 2, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B. Về nguyên nhân phát sinh tranh chấp thì địa phương không biết rõ do không nhận được trình báo hay phản ánh gì.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P; giao con chung cho ông L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Bà P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng; Về tài sản không đặt ra xem xét; Bà P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà La Hồng P khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Đắc L có nơi cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà La Hồng P, bị đơn ông Nguyễn Đắc L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông L.

[2] Về nội dung: Bà P và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh B (nay là phường M, thị xã B, tỉnh B) vào ngày 12/4/2011. Như vậy, hôn nhân giữa bà P và ông L là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thời điểm bà P yêu cầu ly hôn (ngày 13/12/2021) thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu ly hôn, hôn nhân giữa ông L, bà P đáp ứng đủ các điều kiện của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống, ông L và bà P xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà P yêu cầu ly hôn, tuy ông L không đồng ý nhưng cả hai đều xác định mâu thuẫn đã không thể hàn gắn được. Do đó, việc giải quyết cho ông L, bà P được ly hôn là cần thiết, tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho cả hai bên

cũng như con chung là phù hợp, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông L cho rằng vợ chồng đã không thể hàn gắn nhưng do con còn nhỏ, ông muốn có thêm thời gian để vợ chồng cùng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chính mâu thuẫn, xung đột giữa ông bà sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển tâm sinh lý của con chung chưa thành niên, do đó ý kiến của ông là không phù hợp.

[3] Về con chung: Bà P và ông L có 01 con chung là Nguyễn Đắc An K, sinh ngày 01/8/2014. Bà P, ông L thống nhất thỏa thuận giao con cho ông L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy hiện tại cháu K đang được đến trường và sinh sống ổn định. Do đó việc giao cháu K cho ông L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, bảo vệ được quyền lợi về mọi mặt của con chung đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông L, bà P.

[4] Về cấp dưỡng: Ông L, bà P thỏa thuận, bà P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2022. Xét việc thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa ông L, bà P là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Hồng P về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng”, với bị đơn ông Nguyễn Đắc L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà La Hồng P và ông Nguyễn Đắc L.

Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà P chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đắc An K, sinh ngày 01/8/2014 cho ông Nguyễn Đắc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục...

3. Về cấp dưỡng: Bà La Hồng P phải cấp dưỡng nuôi con là Nguyễn Đắc An K mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2022.

Thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết bà P, ông L được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản: Bà P và ông L không tranh chấp nên không giải quyết.

5. Về nghĩa vụ tài sản: Bà P và ông L khai không có, không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Bà La Hồng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng bà P phải nộp 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0004576 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà La Hồng P còn phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

8. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND P.M,
- Tx. B (số 36; quyển số 01/2011)
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga